

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2025
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Trần Văn Chu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: 1 ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Trần Thế V, sinh năm 1981 (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: 1 ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thế V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2007 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, đến sau khi bà sinh con thứ hai vào năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi khoảng bốn năm. Năm 2020, ông V trở về nhà và xin bà tha thứ, bà đồng ý bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Sau đó, ông V đi Đ làm lái xe. Tuy nhiên, từ khi đi Đ, ông V rất ít khi về nhà và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ngoài ra, ông V còn cờ bạc thiếu nợ, bà phải phụ trả nợ cho ông V. Từ tháng 01/2025, ông V trở về nhà ở được khoảng hai tháng rồi đi nữa cho đến nay. Hiện bà đã không còn tình cảm với ông V, bà nhận thấy hôn nhân của bà và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: bà và ông V có hai con chung tên Trần Hà Tường V1 sinh ngày 19/12/2007 và Trần Hà Phương V2 sinh ngày 19/02/2016. Hiện hai con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Hà Tường V1 và Trần Hà Phương V2, bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con theo mức tối thiểu do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thế V trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hà Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2007 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do ông có quan hệ với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi một thời gian, đồng thời ông có thiếu nợ làm ảnh hưởng đến gia đình. Tuy nhiên nay ông đã chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ kia, ông hứa sẽ sửa đổi, ông mong bà H cho ông cơ hội để vợ chồng hàn gắn. Ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: ông và bà H có hai con chung tên Trần Hà Tường V1, sinh ngày 19/12/2007 và Trần Hà Phương V2 sinh ngày 19/02/2016. Hiện hai con chung đang sống với ông và bà H. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý giao hai con là Trần Hà Tường V1 và Trần Hà Phương V2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về thủ tục:* Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tuân thủ và tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- *Về nội dung vụ án:* Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị Ngọc H được ly hôn với ông Trần Thế V.

+ Về con chung: Giao hai con chung là Trần Hà Tường V1, sinh ngày 19/12/2007 và Trần Hà Phương V2, sinh ngày 19/02/2016 cho bà Hà Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Thế V phải cấp dưỡng nuôi con nhưng không thấp hơn 1.930.000 đồng/tháng/cháu.

+ Về tài sản chung: Không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Thế V có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 31/3/2025 hợp lệ. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Thế V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Ngọc H và ông Trần Thế V kết hôn vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của bà H và ông V là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy, trong quá trình chung

sống, bà H và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác; không quan tâm, chăm sóc cho gia đình; ông V có thời gian dài bỏ nhà đi, không chia sẻ các công việc trong gia đình với bà H và còn nợ nần gây gánh nặng kinh tế cho gia đình. Ông V cho rằng muốn hàn gắn với bà H nhưng không đến Tòa tham gia hòa giải chứng tỏ ông V không có thiện chí, bỏ mặc cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy ông V đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông V có hai con chung là Trần Hà Tường V1, sinh ngày 19/12/2007 và Trần Hà Phương V2, sinh ngày 19/02/2016. Hiện hai con đang sống cùng bà H. Xét yêu cầu của bà H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung được ông V đồng ý; phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Tường V1, Phương V2 tại các biên bản lấy ý kiến con chung ngày 31/3/2025; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung theo mức tối thiểu do pháp luật quy định được ông V đồng ý; phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức cấp dưỡng, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định “*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi con*” và Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và mục 3 Phụ lục kèm theo quy định lương tối thiểu vùng tại địa bàn huyện B, tỉnh Bến Tre là 3.860.000đ, một nửa tháng lương tối thiểu vùng là 1.930.000 (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng. Do đó, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tường V1, cháu Phương V2 với mức cấp dưỡng là 1.930.000 (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 28/4/2025 đến khi cháu Tường V1, cháu Phương V2 tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Hai bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị Ngọc H phải nộp án phí hôn nhân gia đình và ông Trần Thế V phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Ngọc H. Bà Hà Thị Ngọc H được ly hôn với ông Trần Thế V.

2. Về con chung: Bà Hà Thị Ngọc H có quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Hà Tường V1 sinh ngày 19/12/2007 và Trần Hà Phương V2 sinh ngày 19/02/2016 cho đến khi hai cháu Tường V1 và Phương V2 tròn 18 tuổi. Ông Trần Thế V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con Trần Hà Tường V1 và Trần Hà Phương V2 mỗi tháng 1.930.000 (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng/cháu. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 28/4/2025 đến khi cháu Tường V1, cháu Phương V2 tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có

quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

- Bà Hà Thị Ngọc H phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0009097 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

- Ông Trần Thế V phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Giả Huệ Tiên